

Số: 676/QĐ-UBND

An Lão, ngày 02 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

Nhà máy sản xuất Bao bì Carton

Mã số thông tin quy hoạch: 312632162904

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN LÃO

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 30/12/2024;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 162/2025/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch đô thị và nông thôn; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4119/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện An Lão; Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án nhà máy sản xuất Bao bì Carton tại thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DQ 007795 ngày 05/11/2024 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng, mục đích sử dụng Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất Bao bì Carton;

Căn cứ Văn bản tham gia ý kiến tham vấn về Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất Bao bì Carton của các Sở ngành liên quan: Số 7725/SXD-QHKT ngày 01/10/2025 của Sở Xây dựng; Số 1034/SCT-QLCN ngày 14/3/2025 của Sở Công thương; Số 880/SGTVT-QLCL ngày 28/02/2025 của Sở Giao thông vận tải; Số 1008/SNNMT-QLĐĐ ngày 28/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Số 660/SNN-KHTC ngày 25/02/2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Số 503/CAHP-PC07 ngày 06/3/2025 của Công an thành phố;

Căn cứ Công văn số 09/COZY-QH ngày 08/5/2026 của Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng Cozy về việc giải trình ý kiến tham vấn của các Sở ngành về nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch;

Căn cứ Thông báo số 225-TB/ĐU ngày 21/5/2026 của Đảng ủy xã An Lão thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất Bao bì Carton;

Căn cứ Tờ trình số 26.5/TTr ngày 26/5/2026 của Công ty Cổ phần sản xuất ô tô và bao bì về việc đề nghị phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất Bao bì Carton do đơn vị tư vấn Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng Cozy lập, đã cập nhật theo ý kiến tham vấn của Sở ngành và Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã tại Báo cáo kết quả thẩm định số 126/BC-KQTD ngày 01/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất Bao bì Carton với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn quy hoạch

a) Vị trí: Khu vực nghiên cứu quy hoạch thuộc địa bàn thôn An Tràng, xã An Lão, thành phố Hải Phòng.

b) Phạm vi ranh giới:

- Phía Đông Bắc: Giáp khu vực cây xanh và đường đê sông Lạch Tray;
- Phía Đông Nam: Giáp đất trống và khu dân cư;
- Phía Tây Nam: Giáp đất canh tác;
- Phía Tây Bắc: Giáp tuyến đường nhựa và nương thủy lợi.

c) Quy mô, diện tích quy hoạch: **65.094,1 m².**

d) Thời hạn quy hoạch: dài hạn.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa các quy hoạch cấp trên như Quy hoạch chung thành phố, quy hoạch Kinh tế - Xã hội xã An Lão.
- Làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Carton.
- Tổ chức không gian, phân khu chức năng hợp lý, tính toán hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đảm bảo các điều kiện về an toàn sản xuất cũng như bảo vệ môi trường theo quy định.
- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo quy chuẩn, tiêu chuẩn để có thể lập dự án đầu tư. Xây dựng quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết làm cơ sở để các cơ quan chính quyền địa phương quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.
- Nghiên cứu, rà soát những bất cập của thực tế nhằm đưa ra những đề xuất phương án hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng đất.
- Xác định rõ các quy hoạch cấp trên, điều kiện kinh tế để đề xuất về cơ sở hạ tầng, chỉ tiêu sử dụng đất, giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu vực phù hợp với nhu cầu phát triển.

3. Tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch

Là khu nhà xưởng sản xuất, bao gồm các khu chức năng: Khu nhà sản xuất công nghiệp - kho; công trình phụ trợ (nhà văn phòng, nhà phụ trợ); các công trình hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý nước thải, ga rác, trạm điện, trạm bơm PCCC); khuôn viên cây xanh-sân đường nội bộ.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.
- Tuân thủ chỉ tiêu quy định tại Đồ án Quy hoạch chung thành phố, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.
- Quy hoạch Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì Carton là cần thiết, đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội, được tiến hành tuân thủ theo hướng dẫn của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

5. Nội dung quy hoạch điều chỉnh:

- Tổng diện tích quy hoạch: 65.094,10 m² được giữ nguyên.
- Điều chỉnh tăng diện tích xây dựng công trình từ 19.433,20 m² (29,9%) tăng lên thành 38.381,43 m² (58,96%).
- Điều chỉnh giảm diện tích giao thông từ 15.522,76 m² (23,8%) xuống còn 13.598,55 m² (20,89%).
- Điều chỉnh giảm toàn bộ diện tích sân bãi 16.494,86 m² (25,3%), chuyển thành diện tích Nhà xưởng và cây xanh.
- Điều chỉnh giảm diện tích đất cây xanh, mặt nước từ 13.643,28 m² (21,0%) xuống còn 13.114,12 m² (20,15%).

a) Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

BẢNG SO SÁNH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Theo QĐ số 198/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện An Lão				Điều chỉnh kỳ này			Chênh lệch
Stt	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ	(m ²)
		(m ²)	(%)		(m ²)	(%)	
1	Đất xây dựng công trình	19.433,20	29,90	Đất xây dựng công trình	38.381,43	58,96	18.948,23
1.1	Đất nhà xưởng	18.939,20		Đất nhà xưởng	37.109,01	57,01	
1.2	Đất phụ trợ	392,00		Đất phụ trợ	782,72	1,20	
1.3	Đất hạ tầng	102,00		Đất hạ tầng	489,70	0,75	
2	Đất giao thông, đỗ xe	15.522,76	23,80	Đất giao thông, đỗ xe	13.598,55	20,89	-1.924,21
3	Đất sân bãi	16.494,86	25,30	Đất sân bãi	0,00	0,00	-16.494,86
4	Đất cây xanh, mặt nước	13.643,28	21,00	Đất cây xanh, mặt nước	13.114,12	20,15	-529,16
	Tổng	65.094,10	100,00	Tổng	65.094,10	100,00	0

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT (ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY)

Stt	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(m ²)	(%)
1	Đất xây dựng công trình nhà xưởng	37.109,01	57,01
2	Đất công trình phụ trợ	782,72	1,20
3	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	489,70	0,75
4	Đất cây xanh	13.114,12	20,15
5	Đất giao thông	13.598,55	20,89
	Tổng diện tích quy hoạch	65.094,10	100,00
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Mật độ xây dựng gộp tối đa</i>		58,96%
	<i>Tỷ lệ đất cây xanh</i>		20,15%

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT (ĐIỀU CHỈNH KỲ NÀY)

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	MĐXD TĐ (%)	HSS ĐĐ (lần)	TC TĐ (tầng)	Ghi chú
I	Đất xây dựng công trình sản xuất		37.109,01				
	Nhà xưởng hiện trạng (cải tạo)	1	6.627,20	100	2	2	Hiện trạng
	Nhà xưởng hiện trạng (cải tạo)	2	6.384,00	100	2	2	Hiện trạng
	Nhà xưởng hiện trạng (cải tạo)	3	5.928,10	100	2	2	Hiện trạng
	Nhà xưởng xây mới	4	1.628,46	100	2	2	Xây mới
	Nhà xưởng xây mới	5	6.531,25	100	2	2	Xây mới
	Nhà xưởng xây mới	6	7.315,00	100	2	2	Xây mới
	Nhà xưởng xây mới	7	2.695,00	100	2	2	Xây mới

II	Đất công trình phụ trợ		782,72				
	Nhà điều hành	8	298,32	70	2,8	4	Xây mới
	Bãi đỗ xe	9	400,00	100			Xây mới
	Nhà vệ sinh	11	58,40	100	1	1	Xây mới
	Nhà bảo vệ	15	26,00	100	1	1	Hiện trạng
III	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật		489,70				
	Trạm xử lý nước	10	80,00	100	1	1	Hiện trạng
	Ga rác	12	45,60	100	1	1	Xây mới
	Trạm bơm PCCC + Bể ngầm PCCC	13	345,50	100	1	1	Xây mới
	Trạm điện	17	18,60	100	1	1	Xây mới
IV	Đất cây xanh		13.114,12				
	Đất cây xanh	14	13.114,12				
V	Đất giao thông	GT	13.598,55				
	Đất giao thông		13.598,55				
	Tổng diện tích quy hoạch điều chỉnh		65.094,10				

* *Chú thích:*

- TCTĐ: Tầng cao tối đa;
- MĐXD TĐ: Mật độ xây dựng tối đa;
- HSSĐĐ: Hệ số sử dụng đất.

b) Quy hoạch không gian, kiến trúc, cảnh quan

Cơ bản tuân thủ quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão phê duyệt tại Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 26/01/2021. Cụ thể như sau:

- Phân khu chức năng và định hướng kiến trúc: Tổng thể khu đất được phân thành các không gian lớn, lựa chọn hình thức kiến trúc công trình phù hợp điều kiện khí hậu khu vực, đáp ứng mục tiêu là điểm nhấn cảnh quan nhà máy.

+ Tổ chức trục giao thông chính theo hướng từ Tây sang Đông, bắt đầu từ cổng chính, chạy dọc và chia khu đất làm 2 phần tương đối bằng nhau. Các trục giao thông phụ trợ vuông góc trục giao thông chính.

+ Nhà xưởng - kho bố trí nằm giữa khu đất, được quản lý xây dựng theo một tổng thể hài hoà về hình thức kiến trúc, đảm bảo mỹ quan chung. Các công trình nhà xưởng khi xây dựng phải tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch, cao độ san nền, mật độ xây dựng, tầng cao, hình khối màu sắc kiến trúc, tổ chức cây xanh sân vườn theo quy định quản lý.

+ Khu nhà văn phòng được bố trí ở phía trước khu nhà xưởng, cạnh cổng chính, giáp với trục đường giao thông chính. Tại đây sẽ xây dựng công trình nhà Văn phòng là điểm nhấn tạo cảnh quan cho tổng thể khu đất.

+ Cây xanh được bố trí thành dải dọc tường bao của khu đất, xung quanh đan xen là các công trình phụ trợ và các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo khoảng cách ly, cải thiện vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu đất.

c) Thiết kế đô thị

Điểm nhấn công trình: Là công trình nhà Văn phòng kết hợp công và không gian cây xanh phía trước tạo thành điểm nhấn quan trọng với kiến trúc hiện đại.

Xác định chiều cao xây dựng công trình:

+ Công trình nhà văn phòng: chiều cao 4 tầng.

+ Các công trình nhà xưởng: chiều cao 2 tầng.

Quy định khoảng lùi: Căn cứ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, khoảng lùi của công trình là 0m.

d) Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Cơ bản tuân thủ quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân huyện An Lão phê duyệt tại quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 26/01/2021. Cụ thể như sau:

** Chuẩn bị kỹ thuật:*

- Cao độ khu vực quy hoạch $\geq +3,10\text{m}$ (hệ cao độ lục địa).

- Thoát nước mưa:

+ Phương án thoát nước: Thoát nước cho khu vực được thiết kế thoát nước riêng, được phân làm 01 lưu vực thoát nước chính. Nước từ hai bên tập trung thoát vào các tuyến cống thoát nước chính chạy giữa khu đất theo hướng từ Nam sang Bắc, sau đó thoát ra sông qua cống hiện trạng.

+ Hệ thống mạng lưới thoát nước: Bố trí 01 miệng xả thoát nước ra cống thoát nằm ngay cạnh khu đất, các cống thoát trong được chôn dưới lòng các tuyến đường, sử dụng hệ thống cống tròn BTCT, kích thước từ D400 đến D1000 mm.

+ Cống thoát nước được thiết kế theo kiểu tự chảy, gồm các tuyến cống có kích thước từ D300mm đến D1000mm chạy dọc theo các tuyến đường trong nhà máy.

** Giao thông:*

*) Giao thông đối ngoại (Tuân thủ quy hoạch đã được duyệt). Gồm:

- Tuyến đường phía Đông Bắc (tuyến đường giáp tuyến đê sông Lạch Tray) kết nối với 01 Cống ra vào; lộ giới 15,00m (mặt cắt 1-1): Lòng đường: $2 \times 4,5\text{m} = 9,0\text{m}$; vỉa hè hai bên: $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.

- Tuyến đường phía Tây Bắc (tuyến đường giáp Mương thủy lợi), kết nối Cống chính, lộ giới 12,5m (mặt cắt 2-2): Lòng đường: 7,5m; vỉa hè phía phải: 3,0m; vỉa hè phía trái (giáp Mương thủy lợi): 2,0m.

- Tuyến đường phía Tây Nam, kết nối 01 Cống ra vào, lộ giới 13,0m (mặt cắt 3-3): Lòng đường: 7,0m; vỉa hè hai bên: $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.

- Tuyến đường phía Đông Nam, lộ giới 13,0m (mặt cắt 4-4): Lòng đường: 7,0m; vỉa hè hai bên: $2 \times 3,0\text{m} = 6,0\text{m}$.

*) Giao thông nội khu :

(Cơ bản tuân thủ theo quy hoạch được duyệt tại quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện An Lão)

- Tuyến trục giao thông chính chạy giữa nhà máy, kết nối từ Cổng chính vào, gồm các mặt cắt 5-5 và 6-6:

+ Mặt cắt 5-5: chiều rộng đường 15,0m; phía phải giáp Vườn hoa – Cây xanh, phía trái giáp dải cây xanh rộng 2,0m và Nhà xưởng 6;

+ Mặt cắt 6-6: chiều rộng đường 11,0m; dải cây xanh mỗi bên rộng 1,5m.

- Tuyến giao thông chạy giữa nhà máy theo hướng Nam - Bắc, gồm các mặt cắt 7-7; 7.1-7.1; 7.2-7.2; 8-8 và 8.1-8.1:

+ Mặt cắt 7-7: Chiều rộng đường 9,0m; dải cây xanh mỗi bên rộng 1,5m;

+ Mặt cắt 7.1-7.1: Chiều rộng đường 9,0m; dải cây xanh phía trái rộng 1,5m, phía phải giáp Vườn hoa – Cây xanh.

+ Mặt cắt 7.2-7.2: Chiều rộng đường 9,0m; dải cây xanh mỗi bên rộng 1,5m;

+ Mặt cắt 8-8: Chiều rộng đường 7,0m; dải cây xanh phía phải rộng 1,5m; phía trái rộng 3,5m.

+ Mặt cắt 8.1-8.1: Chiều rộng đường 7,0m; dải cây xanh phía phải rộng 1,5m, phía trái giáp Vườn hoa – Cây xanh.

- Tuyến đường bao quanh nhà máy, gồm các mặt cắt 9-9; 9.1-9.1; 10-10; 11-11 và 12-12:

+ Mặt cắt 9-9: Chiều rộng đường 4,0m; dải cây xanh phía phải rộng 1,5m, phía trái giáp ranh giới nhà máy rộng 2,0m;

+ Mặt cắt 9.1-9.1: Chiều rộng đường 4,0m; phía phải giáp nhà xưởng 6, phía trái giáp cây xanh và ranh giới nhà máy;

+ Mặt cắt 10-10: Chiều rộng đường 3,5m; dải cây xanh phía trái rộng 1,0m, phía phải giáp Vườn hoa – Cây xanh và ranh giới nhà máy;

+ Mặt cắt 11-11: Chiều rộng đường 3,5m; phía phải giáp Vườn hoa – Cây xanh, phía trái giáp dải cây xanh và ranh giới nhà máy;

+ Mặt cắt 12-12: Chiều rộng đường 3,5m; phía phải giáp nhà máy hiện có (3;4;5), phía trái giáp dải cây xanh và ranh giới nhà máy.

- Giữa nguyên theo quy hoạch được duyệt các tuyến đường bao quanh nhà máy với chiều rộng lòng đường 3,5m; phía phải giáp dải cây xanh (giáp ranh giới); dải cây xanh phía trái (giáp các Nhà xưởng) rộng từ 0,0, đến 1,5m;

*) Bãi đỗ xe:

- Giữ 01 vị trí bãi đỗ xe với diện tích là: $S=400,0m^2$.

* Thoát nước thải và Quản lý chất thải rắn:

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước mặt.

+ Nước thải được xử lý được thu gom bằng tuyến cống D250mm chôn ngầm dọc theo tuyến đường trong nhà máy từ các nguồn phát sinh, sau đó thu về Trạm xử lý nước thải cục bộ đặt tại phía Đông Bắc nhà máy. Nước thải được xử lý triệt để đạt tiêu chuẩn theo cột B trong quy chuẩn: QCVN 24 -2009/BTMNT, trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Chất thải rắn được thu gom hàng ngày, tập trung về điểm tập kết rác đặt tại phía Đông Bắc nhà máy (giáp khu xử lý nước thải).

+ CTR công nghiệp nguy hại (nếu có) sẽ thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo các quy định hiện hành.

** Cấp nước:*

- Nguồn nước: Từ nhà máy nước Cầu Nguyệt (công suất 80.000m³/ngày);

- Mạng lưới đường ống: Gồm 01 điểm đầu nối với tuyến ống hiện trạng trên đường Tỉnh 360, tuyến ống chính dẫn vào nhà máy có kích thước khoảng DN110, các tuyến nhánh dẫn đến công trình với kích thước từ DN25mm đến DN40mm;

- Nước chữa cháy:

+ Mạng lưới cấp nước chữa cháy bên ngoài riêng với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, nước cấp từ mạng lưới đường ống chung khu vực đến khu vực bể chứa và máy bơm. Từ đây nước được cấp đến các trụ chữa cháy trong nhà máy.

+ Đối với chữa cháy công trình, hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong được thiết kế tại các bước tiếp theo của dự án.

** Cung cấp năng lượng (cấp điện):*

- Nguồn điện cấp cho trạm biến áp khu nhà máy lấy từ trạm điện 110/35/22KV Kiến An đến.

- Trạm biến áp (TBA): Sử dụng các trạm biến áp đã xây kết hợp với 02 trạm biến áp bổ sung, cấp nguồn cho các phụ tải công nghiệp, công cộng, đầu mối hạ tầng kỹ thuật và chiếu sáng.

- Lưới điện:

+ Lưới trung áp: Bổ sung mạng điện trung thế 22kV cung cấp đến các trạm biến áp xây mới.

+ Xây mới lưới 0,4kV từ trạm biến áp phân phối cấp đến các tủ kỹ thuật cấp nguồn cho công trình xây mới bằng các tuyến cáp ngầm 0,4kV CU/XLPE/PVC từ 16mm² đến 300mm².

- Lưới điện chiếu sáng đường được cung cấp bởi một tuyến cáp riêng, sử dụng loại CU/XLPE/PVC.

f) Thông tin liên lạc: Nguồn cấp thông tin liên lạc cho khu nhà máy từ hệ thống chuyển mạch đặt tại Bưu cục thôn An Tràng, hiện là bưu cục cấp III.

** Một số nội dung khác được thể hiện trong Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Công ty Cổ phần sản xuất ô tô và bao bì:

- Phối hợp với phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy sản xuất Bao bì Carton được duyệt theo quy định.

- Lập dự án đầu tư xây dựng đảm bảo tuân thủ theo đúng Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án được phê duyệt.

- Khi có yêu cầu điều chỉnh quy hoạch, Chủ đầu tư phải có trách nhiệm lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Giao phòng Kinh tế xã:

- Kiểm tra, đóng dấu thẩm định và lưu trữ hồ sơ;

- Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện của Chủ đầu tư; giám sát việc xây dựng tuân thủ theo quy hoạch và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giám đốc Công ty Cổ phần sản xuất ô tô và bao bì; Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế (10b);
- Công ty Cổ phần sản xuất ô tô và bao bì;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Thành Đồng